

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2024

"V/v Tranh chấp Ly hôn"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Minh Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Cường

Ông Trần Văn Mỹ Phúc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Trà My, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa:** Bà Phùng Kim Tho, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Ngọc H**, sinh năm 1989; địa chỉ: **Ấp G, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Đỗ Nhựt T**, sinh năm 1979; địa chỉ: **Số B, đường T, Khóm C, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long** (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 19/01/2024 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà **Trần Ngọc H** trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà **H** và ông **T** tự tìm hiểu được một năm thì đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 10/10/2017 tại **Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long**. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc đến tháng 11/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do ông **T** không lo làm ăn, chơi cờ bạc dẫn đến những người xã hội đen đến đòi nợ, không cho bà đi làm để nuôi con, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi nên không thể tiếp tục chung sống được nữa. Hiện nay bà **H** và ông **T** đã sống ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay,

trong khoảng thời gian sống ly thân ông bà không còn liên lạc và không còn quan tâm cuộc sống của nhau. Nay bà **H** yêu cầu ly hôn vì xác định không còn tình cảm với ông **T**.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà **H** và ông **T** có một con chung tên **Nguyễn Minh K**, sinh ngày 22/8/2018, hiện nay đang sống chung với ông **T** từ khi ông bà sống ly thân cho đến nay. Khi ly hôn bà **H** yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông **T** phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp giao con cho ông **T** nuôi dưỡng, bà **H** không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà **H** vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và không bổ sung hay yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông **Nguyễn Đỗ Nhật T** nhận được Thông báo thụ lý vụ án, không có văn bản trả lời nhưng có lời trình bày như sau:

Về hôn nhân: Ông **T** thống nhất với ý kiến của bà **H** đã trình bày về thời gian tìm hiểu, thời gian đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn. Theo ông **T** trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2023 thì phát sinh mâu thuẫn do ông phát hiện bà **H** có điện thoại cho người đàn ông khác vì vậy ông **T** có chửi nên từ đó bà **H** dọn đồ bỏ đi cho đến nay không liên lạc được. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 12/2023 cho đến nay, trong quá trình sống ly thân ông **T** không còn liên lạc nữa, khi con bệnh ông có điện thoại, nhắn tin nhiều lần nhưng bà **H** không trả lời. Nay ông **T** đồng ý ly hôn vì xác định không còn tình cảm với bà **H**.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có một con chung tên **Nguyễn Minh K**, sinh ngày 22/8/2018, hiện nay đang sống chung với ông **T**. Khi ly hôn ông yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu bà **H** phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp giao con cho bà **H** nuôi dưỡng, ông **T** đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu **K** đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông **T** vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và không bổ sung hay yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định; thời hạn đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo về thời hạn. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà **H** và ông **T**.

Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Minh K**, sinh ngày 22/8/2018 cho ông **T** nuôi dưỡng, bà **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc bà **H** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn cư trú tại **thành phố V** được thụ lý phù hợp về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà **H** và ông **T** tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 10/10/2017 tại **Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long** nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do đó bà **H** yêu cầu ly hôn, ông **T** cũng đồng ý ly hôn với bà **H**. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **H** và ông **T** là phù hợp quy định tại Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà **H** và ông **T** xác định ông bà có 01 con chung tên **Nguyễn Minh K**, sinh ngày 22/8/2018, hiện nay đang sống chung với ông **T**. Bà **H** yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông **T** phải cấp dưỡng nuôi con. Ông **T** cũng có yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu bà **H** phải cấp dưỡng nuôi con; trường hợp giao con cho bà **H** nuôi dưỡng, ông **T** đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu **K** đủ 18 tuổi.

Xét điều kiện nuôi con: Xét thấy, bà **H** và ông **T** chưa có nhà ở riêng, phải sống cùng gia đình, ông bà đều có thu nhập ổn định. Bà **H** và ông **T** xác định từ nhỏ cháu **K** sinh sống cùng vợ chồng ông bà tại gia đình ở **Phường D, thành phố V**, nơi sinh sống của ông **T** gần cơ sở khám chữa bệnh, nơi học tập, vui chơi. Ngoài ra tại phiên tòa bà **H** xác định, trong khoảng thời gian sống ly thân, mặc dù không đến thăm con nhưng bà có điện thoại cho những người hàng xóm để hỏi thăm sức khỏe của cháu **K** thì được biết cháu khỏe mạnh, được chăm sóc, học tập

đầy đủ. Do đó, đảm bảo cho việc chăm sóc, đảm bảo về việc học tập, vui chơi, cũng như để đảm bảo sự phát triển về tâm, sinh lý và thể chất vì vậy giao cháu **K** cho ông **T** nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà **H** không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, ông **T** cũng không yêu cầu bà **H** phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà **H** và ông **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét quan điểm trình bày của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Buộc bà **H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, ông **T** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Trần Ngọc H** và ông **Nguyễn Đỗ Nhựt T**.

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Minh K**, sinh ngày 22/8/2018 cho ông **T** nuôi dưỡng và giáo dục, bà **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà **H** và ông **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà **Trần Ngọc H** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà **H** được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp ngày 01/02/2024 theo biên lai thu số N<sub>0</sub> 0006587 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long thành tiền án phí. Bà **H** đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Tòa án Tỉnh;
- Viện Kiểm Sát TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Minh Trường**